

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST  
Ngày: 27 – 4 – 2021  
V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vòng

Bà Đặng Thị Thu

*Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 27/4/2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2021 về việc “Kiến xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1975; nơi ĐKNKTT: TDP1, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Số 109 đường THĐ, phường ĐP, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh C có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; nơi ĐKNKTT: TDP1, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo gồm: Số 111 đường THĐ, phường ĐP, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và địa chỉ: Số nhà 33A, ngõ 24 đường Đ, tổ dân phố 2, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị T có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Minh T1 – Luật sư Văn phòng HD; địa chỉ: Số 72, đường THĐ, phường ĐP, TP. H, tỉnh Quảng Bình. Ông T1 có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:****- Về quan hệ hôn nhân:**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/12/2020, được bổ sung tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2003 tại UBND xã QT, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là phường QT, thị xã BD, tỉnh Quảng Bình), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong gia đình. Cụ thể cuối năm 2018 thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thêm trầm trọng, thường xuyên cãi vã do không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên tháng 6 năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau, chị T đã chặn số điện thoại của anh nên vợ chồng không thể liên lạc để nói chuyện, gây khó khăn. Chị và các con ra ở riêng tại phường ĐP, nhưng hiện nay đã về lại nhà ở phường HT. Chị T thường xuyên dọa anh để ly hôn và đến tháng 11/2020 chị T đã chủ động làm đơn ly hôn nộp tại Tòa án được Tòa án thụ lý, tuy nhiên sau đó rút đơn, tưởng rằng sau khi rút đơn để vợ chồng trở về đoàn tụ, quan hệ vợ chồng bình thường trở lại, nhưng ngược lại càng ngày càng căng thẳng hơn và làm ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã có thời gian khắc phục nhưng không khắc phục được, không thể ngồi lại để nói chuyện nghiêm túc. Cho đến thời điểm hiện nay cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyện vọng mong muốn Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

\* Tại bản tự khai, qua các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2003 tại UBND xã QT, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là phường QT, thị xã BD, tỉnh Quảng Bình), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, hai bên không thể ngồi lại nói chuyện. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, chị và các con về thuê trọ tại phường ĐP, nhưng đến nay chị và các con đã về nhà tại phường HT. Vào tháng 11 năm 2020 chị có làm đơn ly hôn đến Tòa án được Tòa án thụ lý nhưng sau đó vì con nên chị rút đơn lại. Nay anh C làm đơn ly hôn, chị cho rằng tại thời điểm hiện nay chị không đồng ý, chị mong muốn có thời gian khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để nuôi dạy con cái. Một phần do cháu Nguyễn Quốc D đang bị bệnh trầm cảm cần được điều trị, chị mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy và chữa bệnh cho con, để con được phát triển tốt nhất. Tại phiên tòa chị cho rằng mình cũng bị bệnh trầm cảm, và không đồng ý ly hôn.

\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C: Mong muốn hai bên đương sự cùng ngồi lại suy nghĩ, bàn bạc để đưa ra phương án tốt nhất, nhất trí như ý kiến của anh C và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con chung*: Anh C và chị T cùng khai vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 17/3/2004 và cháu Nguyễn Đức T2, sinh ngày: 22/9/2006.

+ Tại bản tự khai, các phiên hòa giải ý kiến anh C trình bày: Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc D và không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tại buổi hòa giải sau đó sau khi đã có ý kiến của các con, anh C nhất trí giao cháu Quốc D và cháu Đức T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quốc D và cháu Đức T2 xin được ở với mẹ T. Anh C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở buổi hòa giải.

+ Tại bản tự khai, các phiên hòa giải ý kiến chị T trình bày: Nếu trường hợp ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc D và cháu Nguyễn Đức T2, và yêu cầu anh Cường đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Do buổi hòa giải ngày 04/3/2021 các cháu chưa có nguyện vọng nên chị sẽ chờ ý kiến của các con. Buổi hòa giải tiếp theo ngày 12/3/2021 chị T trình bày về nuôi con chung chị tùy thuộc vào ý kiến của các con. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có nguyện vọng nếu trường hợp ly hôn chị xin được nuôi hai con chung cháu Quốc D và Đức T2, chị không yêu cầu anh Cường đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Trong các buổi hòa giải, tại phiên tòa anh C, chị T thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành các phiên hòa giải. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải ngày 04/3/2021 và ngày 12/3/2021 anh chị chưa thống nhất được các mối quan hệ, Tòa án đã lập biên bản hòa giải không thành.

Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Nguyễn Thị T có HKTT là: Tổ dân phố 1, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh C, chị T chưa thống nhất được các mối quan hệ, nên các buổi hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2021 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 27/4/2021 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn, bị đơn có mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2003 tại UBND xã QT, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND phường QT, thị xã BD, tỉnh Quảng Bình) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2003, quyền số 01/2003, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C, chị T đều thừa nhận hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, cách suy nghĩ khác nhau. Tháng 11/2020 chị T đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, nhưng sau đó vì con chị đã suy nghĩ lại nên rút đơn về. Hiện nay hai anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Tại các buổi hòa giải anh chị đều xét thấy hai vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể ngồi lại nói chuyện; anh C vẫn kiên quyết xin ly hôn còn chị T mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái, chị T cho rằng cháu Quốc D đang bị bệnh trầm cảm nên cần có tình cảm cả bố và mẹ. Tuy nhiên, qua quá trình hòa giải chị T không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng giữa hai anh chị mâu thuẫn quá lớn, gặp nhau là cãi vã, chị T cũng không có các phương án để khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để tìm tiếng nói chung. Anh C trình bày chị T đã ngăn cản việc anh thăm và nói chuyện với con, còn về việc cháu Quốc D bị ốm chị cũng không cho anh biết và không cho anh quan tâm đến con. Thấy rằng, việc cháu Quốc D bị ốm đây là lỗi của anh chị, trong cuộc sống hôn nhân đã có nhiều mâu thuẫn làm tổn thương cháu cũng như cách dạy bảo, nên anh chị phải xem xét lại về nội dung này. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T cho rằng cháu Quốc D bị bệnh trầm cảm vào tháng 8/2020 và hiện nay chị cũng bị bệnh trầm cảm nhưng chị cũng không cung cấp hồ sơ bệnh án của chị và cháu cũng như phác đồ điều trị, nên không xác

định được chị và cháu có bị bệnh thực sự hay không. Chị T cho rằng cháu Quốc D bị bệnh trầm cảm vào tháng 8/2020 nhưng đến tháng 11/2020 chị lại nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, sau đó chị rút đơn lại. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Anh C và chị T cùng khai có 02 con chung: cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 17/3/2004; cháu Nguyễn Đức T2, sinh ngày: 22/9/2006, hiện chị Nguyễn Thị T đang trực tiếp nuôi. Xét thấy, trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân do mâu thuẫn, con chung sống chung với chị T và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con; đồng thời hai cháu Quốc D, Đức T2 cũng có bản trình bày nguyện vọng sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Mặt khác, tại buổi hòa giải anh C cũng nhất trí giao hai con chung cháu Quốc D, Đức T2 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quốc D mỗi tháng 3.000.000 đồng. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng các con Nguyễn Quốc D, Nguyễn Đức T2 sau khi ly hôn; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quốc D và Đức T2 xin được ở với mẹ T; anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quốc D mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Quốc D tròn 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và nợ chung:

Anh C, chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0001824 ngày 07/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày: 17/3/2004 và cháu Nguyễn Đức T2, sinh ngày: 22/9/2006 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quốc D, cháu Đức T2 xin được ở với mẹ T. Anh C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Quốc D mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 05/2021 cho đến khi con chung cháu Quốc D tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0001824 ngày 07/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2021). Đề yêu cầu Toá án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**













